TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngẫu.
Bà Lê Thị Thanh Nguyệt.
- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lan Anh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 370/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Tổ A, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Tổ C, Đinh Bộ L, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
(Bà H, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2024, bản tự khai ngày 23/5/2024, nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Quốc T tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn do ông T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Bà và ông T chung sống với nhau đến năm 2000 thì không tiếp tục chung sống do trong quá trình chung sống không hợp nhau. Bà yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết T1, sinh ngày 23/12/1998 đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Tại bản tự khai ngày 23/5/2024, bị đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Võ Thị H có đám cưới với nhau từ năm 1997, không đăng ký kết hôn do ông chưa đủ tuổi làm giấy kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung. Đến năm 2000, do mâu thuẫn trong cuộc sống, ông và bà H đã không còn chung sống với nhau nữa. Do vợ chồng không đăng ký kết hôn nên không nộp đơn ra Tòa án ly hôn mà tự giải quyết với nhau. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết T1, sinh ngày 23/12/1998 đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền và lợi ích, thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Quốc T chung sống với nhau từ năm 1997, không đăng ký kết hôn nên mối quan hệ giữa bà H và ông T không được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà không hạnh phúc, không hợp nhau, đã ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Bà H yêu cầu ly hôn với ông T nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết T1, sinh ngày 23/12/1998 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Quốc T. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1980, đăng ký thường trú và sinh sống tại tổ C, Đinh Bộ L, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Võ Thị H, bị đơn ông Nguyễn Quốc T vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Quốc T đều thừa nhận ông bà chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà sống chung đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, không còn hợp nhau nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L thể hiện bà H và ông T không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L. Như vậy, bà H và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 5 và Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên pháp luật không công nhận bà H và ông T là vợ chồng. Bà H và ông T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, không ai yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật. Do đó, có căn cứ không công nhận bà H và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết T1, sinh ngày 23/12/1998 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Quốc T. Do đó, bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015697 ngày 23/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986;

Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận bà Võ Thị H và ông Nguyễn Quốc T là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết T1, sinh ngày 23/12/1998 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào

300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015697 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (bà H đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị H, ông Nguyễn Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND thị trấn Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng, Thẩm phán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Minh Hoàng